

UBND TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
SỞ TÀI CHÍNH

Số: /STC-TCHCSN

V/v hướng dẫn xây dựng dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng 7 năm 2023

Kính gửi:

- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể trực thuộc tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh;
- Bảo hiểm Xã hội tỉnh.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm; Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026 (viết tắt Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính),

Để chuẩn bị cho công tác xây dựng dự toán ngân sách nhà nước 2024 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024 - 2026, Sở Tài chính đề nghị Quý cơ quan, đơn vị nghiên cứu các văn bản quy định nêu trên để tổ chức thực hiện tại đơn vị mình và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện; đồng thời khẩn trương thực hiện các nội dung sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN NĂM 2023 VÀ 03 NĂM 2021-2023

Đề nghị các cơ quan, đơn vị thực hiện đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2023 và 03 năm 2021-2023 theo các nội dung hướng dẫn tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16 Chương II Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính.

Đánh giá cụ thể tình hình và kết quả thực hiện của từng nhiệm vụ ngân sách nhà nước được giao thực hiện trong năm 2023 và 03 năm 2021-2023, *trong đó, lưu ý một số nội dung sau:*

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN

1.1. Nhiệm vụ thu NSNN năm 2023

a) Báo cáo kết quả thực hiện thu 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2023, trong đó, báo cáo chi tiết theo từng khoản thu, có thuyết minh, trong đó tập trung làm rõ những thuận lợi, khó khăn; kiến nghị giải pháp nhằm phấn đấu hoàn thành cao nhất dự toán thu NSNN được cấp thẩm quyền giao.

b) Đánh giá tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí (đánh giá số thu phí, lệ phí theo quy định; số thu phí nộp NSNN; số thu phí được để lại); thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác trong năm 2023 theo Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

c) Đánh giá các khoản thu được để lại năm 2023 đối với các cơ quan hành chính nhà nước được hưởng theo quy định của các cấp thẩm quyền, chi tiết nguồn thu để lại, các khoản thu được quy định tại các Luật chuyên ngành khác hoặc tại các văn bản pháp luật khác mà Luật NSNN, Luật phí và lệ phí chưa quy định cụ thể là nguồn thu NSNN (dưới đây gọi là thu nghiệp vụ), khoản trích qua công tác thanh tra, kiểm toán, các nguồn thu hợp pháp theo quy định (nếu có) và dự kiến số lũy kế còn lại đến hết năm 2023.

d) Đánh giá các khoản thu của các đơn vị sự nghiệp công lập (ngoài nguồn NSNN), trên cơ sở đó xác định mức độ tự chủ của từng đơn vị; đánh giá các khoản thu phí được để lại theo quy định của pháp luật đối với các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

1.2. Nhiệm vụ thu NSNN 03 năm 2021-2023

Trên cơ sở quyết toán năm 2021, thực hiện năm 2022 và ước thực hiện cả năm 2023, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN 03 năm 2021-2023 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, phê duyệt của cấp có thẩm quyền, chi tiết theo từng nguồn thu; làm rõ kết quả đạt được, tồn tại hạn chế và nguyên nhân (khách quan, chủ quan); bài học kinh nghiệm; bối cảnh và kiến nghị giải pháp về cơ chế, chính sách, quản lý thu NSNN trong thời gian tới.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên 2023 và 03 năm 2021-2023

2.1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2023

Thực hiện các nội dung đánh giá theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Chương II Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính, trong đó:

a) Đánh giá triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán chi thường xuyên 6 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện cả năm 2023 chi tiết theo từng nhiệm vụ chi và lĩnh vực chi được giao.

b) Đánh giá việc hoàn thiện các điều kiện, thủ tục, khả năng thực hiện và tiến độ trình cấp có thẩm quyền bổ sung dự toán năm 2023 (nếu có) đối với các nhiệm vụ phát sinh trong năm 2023 nhưng chưa được giao dự toán đầu năm phải bổ sung dự toán trong năm.

b) Báo cáo cụ thể tiến độ và kết quả các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, đề án từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách nhà nước trong 6 tháng đầu năm, dự kiến cả năm 2023. Trong đó, nêu rõ các nhiệm vụ đã hoàn thành, các nhiệm vụ chưa hoàn thành, nguyên nhân, các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất.

c) Đối với các chế độ, chính sách:

- Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, xác định các nhiệm vụ, chính sách, chế độ kết thúc; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý về cơ chế, chính sách trong tổ chức thực hiện, kiến nghị bổ sung, sửa đổi các nhiệm vụ, chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

- Báo cáo chi tiết số đối tượng hưởng (căn cứ đối tượng thực hiện 6 tháng đầu năm 2023 để rà soát, xác định số đối tượng ước thực hiện cả năm 2023), mức hỗ trợ, thời gian hưởng đối với từng chế độ, chính sách chi an sinh xã hội theo quy định để xác định cụ thể nhu cầu kinh phí NSNN hỗ trợ để thực hiện các nhóm chính sách an sinh xã hội (tính theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng của 6 tháng đầu năm 2023 và mức 1.800.000 đồng/tháng từ ngày 01/7/2023).

- Đánh giá tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn năm 2023 đối với từng chính sách, có báo cáo cụ thể đối tượng, nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách (có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính) và chênh lệch so với số kinh phí NSNN đã bố trí; trường hợp có các đối tượng tăng/giảm đề nghị thuyết minh cụ thể nhu cầu kinh phí tăng hoặc giảm.

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện chính sách an sinh xã hội theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều, trong đó, xác định nhu cầu từ nguồn ngân sách nhà nước, phân ngân sách Trung ương hỗ trợ, phân ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 24/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ (báo cáo cụ thể về đối tượng và kinh phí thực hiện).

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì tổ chức đánh giá và báo cáo kinh phí thực hiện một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa, trong đó, xác định nhu cầu từ nguồn ngân sách nhà nước, phân ngân sách Trung ương hỗ trợ, phân ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 24/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ (báo cáo cụ thể về đối tượng và kinh phí thực hiện).

- Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện chính sách liên quan đến ngành giáo dục và đào tạo (miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập;...).

- Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện chính sách liên quan đến ngành.

Đối với từng chính sách, các cơ quan, đơn vị có báo cáo cụ thể đối tượng (trong đó chi tiết đối tượng theo quy định của Trung ương và đối tượng theo quy định của tỉnh), kinh phí thực hiện chính sách năm 2023 (có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính).

d) Đánh giá thực hiện tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy: Kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2023 và lũy kế thực hiện đến hết năm 2023, chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại các văn bản quy định của Trung ương và của tỉnh; trong đó làm rõ:

- Số giảm biên chế, giảm đầu mối tổ chức bộ máy.

- Số kinh phí NSNN tiết kiệm được do giảm biên chế, giảm tổ chức bộ máy, trong đó số sử dụng để thực hiện cải cách tiền lương.

- Số kinh phí phải bố trí từ NSNN để thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo các quy định của Trung ương và của Tỉnh.

Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức đánh giá thực hiện tin giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy.

đ) Đánh giá thực hiện đổi mới khu vực sự nghiệp công:

- Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (Nghị quyết số 19-NQ/TW), Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công (Nghị định số 60/2021/NĐ-CP) và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (Thông tư số 56/2022/TT-BTC) trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2023 và lũy kế đến hết năm 2023; trong đó: đánh giá cụ thể việc thực hiện lộ trình giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, các trường hợp có lộ trình khác, nhất là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập, dịch vụ giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp tại cơ sở giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp công lập, cơ quan, đơn vị báo cáo cụ thể mức độ dự kiến đạt được đến hết năm 2023, giải trình nguyên nhân, tiến độ báo cáo và phê duyệt của các cấp thẩm quyền (nếu có); trên cơ sở đó, đánh giá chi tiết việc thực hiện từng mục tiêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW (cụ thể dự kiến số lượng và mức độ tự chủ của từng đơn vị; từng nguồn tài chính (nguồn NSNN, nguồn thu sự nghiệp), từng nhiệm vụ chi đối với từng đơn vị, từng lĩnh vực sự nghiệp; tổng số biên chế và số lượng biên chế hưởng lương từ NSNN theo từng lĩnh vực sự nghiệp vào thời điểm năm 2023).

- Tác động của việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao khả năng tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập đến việc bố trí NSNN theo từng lĩnh vực trong năm 2023, lũy kế đến hết năm 2023 và việc sử dụng số kinh phí NSNN dành ra từ việc nâng cao tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập; các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

e) Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2023 từ nguồn thu phí và thu sự nghiệp công được để lại; nguồn hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị theo quy định, chi tiết từng lĩnh vực chi.

f) Tình hình thực hiện các kiến nghị của cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan Thanh tra trong lĩnh vực tài chính – NSNN, quản lý tài sản công và kiến nghị trong công tác quyết toán của Sở Tài chính.

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên 03 năm 2021-2023

a) Trên cơ sở quyết toán năm 2021, thực hiện năm 2022 và ước thực hiện cả năm 2023, đánh giá lũy kế tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên NSNN 03 năm 2021-2023 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và phê duyệt của cấp có thẩm quyền; tập trung vào các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể theo phê duyệt thực hiện trong giai đoạn, trong nhiều năm; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị, giải pháp khắc phục (nếu có).

b) Đánh giá lũy kế việc triển khai tình hình tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy; kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong 03 năm 2021-2023 so với các mục tiêu đề ra; những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

3. Đánh giá tình hình thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án tỉnh năm 2023 và 03 năm 2021-2023:

3.1. Đối với 03 chương trình mục tiêu quốc gia

Trên cơ sở Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các chương trình mục tiêu quốc gia, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt các chương trình, các Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh và các văn bản pháp luật của cấp có thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án tại tỉnh (*Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì đánh giá tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; Ban Dân tộc tỉnh chủ trì đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;...*), đánh giá tình hình thực hiện phân bổ, sử dụng dự toán NSNN năm 2023 và 03 năm 2021-2023; kết quả thực hiện mục tiêu giai đoạn 2021-2023 và khả năng hoàn thành mục tiêu giai đoạn 2021-2025 theo từng chương trình; thuận lợi, khó khăn, kiến nghị (nếu có). Trong đó:

a) Cơ quan chủ chương trình chủ trì, phối hợp với các cơ quan chủ dự án thành phần báo cáo kết quả xây dựng chương trình, ban hành cơ chế, chính sách quản lý, tổ chức thực hiện từng chương trình; đánh giá việc phân bổ, sử dụng dự toán NSNN, chi tiết theo các dự án thành phần, từng nguồn vốn.

b) Cơ quan chủ quản chương trình đánh giá tình hình ban hành văn bản tổ chức thực hiện các chương trình theo phân cấp; phân bổ, sử dụng dự toán NSNN (trong đó,

báo cáo về dự toán được hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW, đối ứng của địa phương theo quy định), chi tiết các dự án thành phần và từng nguồn vốn.

c) Cơ quan sử dụng ngân sách đánh giá về tình hình phân bổ, sử dụng NSNN, chi tiết theo các dự án thành phần và từng nguồn vốn.

d) Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

3.2. Đối với các nhiệm vụ thường xuyên thuộc các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt dưới dạng chương trình, dự án, đề án giai đoạn 2021-2025 hoặc đến năm 2030, được giao dự toán, bổ sung hoặc đang trình bổ sung kinh phí năm 2023, các cơ quan đơn vị báo cáo tình hình ban hành văn bản hướng dẫn, thực hiện năm 2023 theo từng lĩnh vực chi. Trên cơ sở ước thực hiện dự toán chi năm 2023, đánh giá tình hình thực hiện bố trí, phân bổ và sử dụng dự toán 03 năm 2021-2023 so với tổng mức được phê duyệt cho giai đoạn 2021-2025 hoặc đến năm 2030; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị, giải pháp khắc phục (nếu có).

Trường hợp có sử dụng nguồn vốn ngoài nước, báo cáo riêng tình hình phân bổ, giải ngân đối với từng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, các đề xuất kiến nghị (nếu có).

3.3. Đánh giá kết quả triển khai và thực hiện các chương trình, đề án của tỉnh trong năm 2023 theo Chỉ thị số 27/CT-UBND ngày 03/11/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện Thông báo số 861-TB/TU ngày 28/8/2017 của Tỉnh ủy về các chương trình, đề án trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 17366/UBND-VP ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện CTĐA giai đoạn 2016-2020, kế hoạch giai đoạn 2021-2025.

4. Đánh giá tình hình thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2023

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính.

Báo cáo về tình hình thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 theo khoản 5 Điều 14 Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính.

5. Đánh giá kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách năm 2023

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Chương II Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính.

6. Đối với nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được để lại không đưa vào cân đối NSNN

Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Chương II Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính.

B. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Đề nghị các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 theo các nội dung hướng dẫn tại Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21 Chương III Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính.

Trong đó, lưu ý nội dung sau:

1. Yêu cầu và căn cứ xây dựng dự toán

a) Dự toán NSNN năm 2024 được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn; có đầy đủ thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán.

b) Việc xây dựng dự toán NSNN năm 2024 phải đảm bảo theo đúng và đầy đủ căn cứ pháp lý và yêu cầu lập dự toán NSNN theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 của Luật Ngân sách nhà nước, trong đó lưu ý: **Dự toán chi thường xuyên phải được lập trên cơ sở nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.**

c) Trên cơ sở đánh giá thực hiện năm 2023 và 03 năm 2021-2023; các nội dung trình phê duyệt về mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính; mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 thực hiện theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương giai đoạn 2021-2025; các cơ quan, đơn vị xác định nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2024, chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2024 trên cơ sở khả năng nguồn lực (bao gồm cả nguồn hợp pháp khác theo quy định); triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

d) Các cơ quan, đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực khi xây dựng dự toán cần tính tới việc rà soát tổng thể các chế độ, chính sách (nhất là các chính sách an sinh xã hội) để bãi bỏ, hoặc lồng ghép theo thẩm quyền, hoặc trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ, lồng ghép các chính sách chồng chéo, trùng lặp, kém hiệu quả; chỉ đề xuất ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách khi thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện và huy động các nguồn lực tương ứng các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành.

e) Tập trung chỉ đạo, xử lý, giải quyết ngay từ khâu xây dựng dự toán những tồn tại, sai phạm trong quản lý tài chính, ngân sách đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện, kiến nghị theo đúng quy định của pháp luật.

2. Xây dựng dự toán thu

a) Dự toán thu NSNN năm 2024 phải được xây dựng theo đúng các quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý thuế và các Luật về thuế, phí, lệ phí và các văn bản pháp luật khác có liên quan, đảm bảo thu đúng, thu đủ các nguồn thu của NSNN.

b) Xây dựng dự toán thu năm 2024 bám sát tình hình kinh tế - xã hội, tài chính trong và ngoài nước, tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, về quản lý thu, nhất là các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí và gia hạn thời gian nộp thuế, tiền thuê đất hết hiệu lực của năm 2023, việc thực hiện lộ trình cắt giảm, ưu đãi thuế để thực hiện cam kết của Chính phủ trong quá trình hội nhập quốc tế với các nhà đầu tư nước ngoài.

Dự toán thu phải tính đúng, tính đủ và phân đầu **tăng bình quân 5-7%** so với đánh giá ước thực hiện năm 2023 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách) theo Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính.

c) Dự toán thu phí, lệ phí (thuộc danh mục quy định của Luật Phí và lệ phí): Các cơ quan, đơn vị ước số thu phí, lệ phí thực hiện năm 2023, dự kiến những yếu tố tác động đến số thu năm 2024 để xây dựng dự toán thu 2024 phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí (chi tiết tổng số thu, số được để lại chi theo chế độ đối với từng lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN theo quy định).

d) Đối với khoản thu phí, thu dịch vụ sự nghiệp công, học phí, giá dịch vụ y tế, các khoản thu hợp pháp khác được để lại cho cơ quan, đơn vị sử dụng theo quy định: các cơ quan, đơn vị phải lập dự toán riêng, thuyết minh cơ sở tính toán và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo Sở Tài chính theo quy định. Các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chi để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

3. Xây dựng dự toán chi thường xuyên

Các cơ quan, đơn vị thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 19 Chương III Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính.

Trong đó, lưu ý một số nội dung:

3.1. Nguyên tắc chung

a) Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2024 theo đúng quy định của Luật NSNN, các Luật có liên quan và các văn bản hướng dẫn; đảm bảo theo quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương; đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách, chủ trương sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trong hệ thống chính trị, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động khu vực sự nghiệp công lập. Đảm bảo nguồn lực thực hiện cải cách tiền lương, chính sách bảo hiểm xã hội gắn với đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với lộ trình tinh giản biên chế theo các Nghị quyết của Trung ương.

b) Tiếp tục quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN.

c) Sát khả năng thực hiện, hạn chế tối đa việc hủy dự toán và chuyển nguồn sang năm sau. Trên cơ sở đánh giá thực hiện năm 2023, các đơn vị rà soát các nhiệm vụ trùng lặp; nhiệm vụ dở dang tiếp tục thực hiện năm 2024; sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ phát sinh mới đã được cấp thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện, dự toán NSNN thực hiện phù hợp với khả năng huy động, cân đối các nguồn lực (bao gồm cả nguồn hợp pháp khác theo quy định).

3.2. Xây dựng dự toán chi thường xuyên

a) Căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; trên cơ sở Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn có liên quan; số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm 2024, căn cứ các chính sách, chế độ, định mức chi NSNN; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương theo Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND; căn cứ chương trình, đề án, nhiệm vụ theo phê duyệt của cấp thẩm quyền các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán chi thường xuyên chi tiết theo từng lĩnh vực chi, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị

quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội, các chính sách cho người dân.

Thực hiện giảm dự toán đối với các cơ quan, đơn vị sự nghiệp trên cơ sở tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy, đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập năm 2024 được xác định căn cứ vào kết quả thực hiện lũy kế đến năm 2023, mục tiêu Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, riêng mức giảm biên chế được xác định theo quyết định giao biên chế của cấp thẩm quyền (nếu có).

Dự toán chi mua sắm tài sản cơ sở vật chất theo quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành; kinh phí sửa chữa bảo dưỡng, bảo trì cơ sở vật chất theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính.

Đối với các nhiệm vụ về cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn (bao gồm cả các nhiệm vụ quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội), trừ lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016. Trường hợp cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh các chính sách có liên quan, thực hiện theo các quy định được phê duyệt.

b) Dự toán chi thường xuyên năm 2024 nguồn NSNN của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm b, điểm e khoản 4 Điều 19 Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2024 của Bộ Tài chính.

c) Dự toán chi hoạt động năm 2024 nguồn NSNN của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15, quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Thông tư số 56/2022/TT-BTC. Trong đó:

- Không xây dựng dự toán chi thường xuyên NSNN hỗ trợ cho các dịch vụ sự nghiệp công đã hoàn thành lộ trình giá, phí từ năm 2023 trở về trước hoặc dự kiến hoàn thành trong năm 2024.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên xây dựng dự toán chi NSNN năm 2024 giảm tối thiểu 3% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2023, giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN tương ứng mức giảm chi thường xuyên từ ngân sách;

- Các đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN bảo đảm chi thường xuyên tiếp tục giảm tối thiểu 2% chi trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2023 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do NSNN đảm bảo.

Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện

hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán NSNN hàng năm.

d) Đối với dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ, các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác: thực hiện theo hướng dẫn tại điểm d khoản 4 Điều 19 Chương III Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính, cụ thể:

“Các cơ quan hướng dẫn các đơn vị trực thuộc lập, tổng hợp dự toán theo quy định của pháp luật về NSNN và pháp luật khác có liên quan. Trong đó lưu ý, đối với các nhiệm vụ sửa chữa tài sản cố định không thường xuyên được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nhiệm vụ mua sắm trang thiết bị, tăng cường cơ sở vật chất, tăng cường năng lực; nhiệm vụ thực hiện hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (phát triển công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu; các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ quốc gia dùng chung; an toàn, an ninh mạng, ...), các đơn vị chi tiết về hồ sơ trình phê duyệt, quyết định phê duyệt, tổng kinh phí thực hiện, thời gian thực hiện, tiến độ thực hiện đến nay (nếu có); tính chất nguồn vốn và đề xuất việc xử lý thực hiện gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.”

e) Chi các hoạt động kinh tế thực hiện theo hướng dẫn tại Điểm đ, Khoản 4 Điều 19 Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính.

Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm lập dự toán kinh phí từ nguồn phí sử dụng đường bộ và tham mưu UBND tỉnh gửi Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính đề nghị bố trí kinh phí năm 2024 cho Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

f) Các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội đã được cấp có thẩm quyền ban hành và có hiệu lực trong năm 2024, (kèm theo thuyết minh cụ thể số lượng, đối tượng, mức chi và nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách năm 2024).

Các đơn vị xây dựng dự toán số bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP để thực hiện chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành năm 2024; cách thức thực hiện như hướng dẫn tại điểm 4, Điều 14 Thông tư 51/2023/TT-BTC, trong đó xác định kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng cho cả 12 tháng năm 2024. Đối với từng chính sách, đề nghị thuyết minh chi tiết cơ sở xác định đối tượng, nhu cầu kinh phí (đối tượng xây dựng dự toán năm 2024 được xác định trên cơ sở số đối tượng ước thực hiện năm 2023, đã tính tới các yếu tố dự kiến phát sinh tăng/giảm đối tượng trong năm 2024). Mẫu biểu xây dựng dự toán chi từng chính sách năm 2024 tương tự như năm 2023.

Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì lập dự toán kinh phí thực hiện:

- Chuẩn nghèo đa chiều theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền và Nghị quyết của Chính phủ, chi tiết đối với từng loại chuẩn nghèo đa chiều, cụ thể số đối tượng, nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2024 theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025.

- Kinh phí trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng dự toán trên cơ sở văn bản quy định mức chuẩn trợ cấp năm 2023, quy định tại các Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu

đãi người có công với cách mạng và các văn bản quy định về điều chỉnh năm 2023 và đề xuất mức điều chỉnh năm 2024.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì lập dự toán kinh phí thực hiện một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa năm 2024.

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì lập dự toán kinh phí thực hiện một số chính sách: miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập,...

Sở Y tế chủ trì lập dự toán kinh phí thực hiện một số chính sách liên quan đến quản lý ngành.

g) Đối với các tổ chức chính trị, xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp: thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 6 Điều 19 Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính.

h) Đối với các hội quần chúng khác bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí, hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật: NSNN hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

i) Đối với một số nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án, kế hoạch, chiến lược ... được cấp có thẩm quyền giao cho cơ quan chủ trì làm đầu mối và các cơ quan phối hợp thực hiện. **Đề nghị các đơn vị lập kế hoạch và dự toán kinh phí gửi cơ quan được giao chủ trì làm đầu mối để tổng hợp, thẩm định và trình cấp thẩm quyền phê duyệt, làm cơ sở bố trí dự toán năm 2024** (ví dụ: Chương trình xúc tiến thương mại, cơ quan chủ trì tổng hợp trình dự toán 2024 là Sở Công Thương; chương trình xúc tiến du lịch, cơ quan chủ trì là Sở Du lịch; Chương trình xúc tiến đầu tư, cơ quan chủ trì là Sở Kế hoạch và Đầu tư ...v.v...).

j) Đối với một số nhiệm vụ do cơ quan chuyên ngành chủ trì tổng hợp, các cơ quan, đơn vị lập dự toán gửi cơ quan chủ trì tổng hợp, thẩm định và gửi Sở Tài chính, cụ thể như:

- *Sở Nội vụ chủ trì tổng hợp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng năm 2024;*
- *Sở Nội vụ (Ban Thi đua khen thưởng) chủ trì tổng hợp kinh phí chi khen thưởng năm 2024;*
- *Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì tổng hợp định kinh phí chương trình ứng dụng công nghệ thông tin năm 2024; kinh phí nhà nước đặt hàng Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh thực hiện các nhiệm vụ được giao.*
- *Sở Y tế chủ trì tổng hợp kinh phí phòng chống dịch, ...*
- *Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổng hợp kinh phí chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, chi ISO,*

3.3. Lập dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình theo quy định của Trung ương:

Các cơ quan, đơn vị thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 9 Điều 19 Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính. Trong đó, lưu ý:

Ngày 23/8/2016, UBND tỉnh đã có công văn số 6819/UBND-VP ngày 23/8/2016 về việc đề xuất các Bộ quản lý CTMTQG, CTMT bổ sung vốn sự nghiệp; theo đó, UBND tỉnh chỉ đạo: “*Giao các sở, Ban, ngành, các cơ quan, đơn vị là chủ chương trình: ... Từ năm 2017 trên cơ sở nhiệm vụ được giao và nhu cầu vốn của địa phương, có trách*

nhệm tham mưu UBND tỉnh đề xuất với các Bộ quản lý CTMTQG, CTMT bố trí kinh phí sự nghiệp cho các chương trình theo quy định.”

Để đảm bảo việc xây dựng dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình năm 2024 theo quy định của Trung ương, đề nghị các cơ quan, đơn vị:

- Các cơ quan là chủ chương trình tại địa phương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát các căn cứ pháp lý và các quy định về việc thực hiện các chương trình trong năm 2024 và chủ động liên hệ với các Bộ quản lý chương trình để được hướng dẫn việc thực hiện các CTMTQG, Chương trình năm 2024 (bao gồm: hướng dẫn về việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chuyên môn từng dự án của chương trình, cơ chế tài chính thực hiện các chương trình trong năm 2024).

- Các cơ quan là chủ chương trình chủ trì lập dự toán chi ngân sách năm 2024 của từng Chương trình chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình năm 2024 do Trung ương phê duyệt (chi tiết theo từng lĩnh vực chi, chi tiết theo từng nguồn vốn, từng dự án, nội dung, nhiệm vụ, kinh phí sự nghiệp, vốn đầu tư, nguồn NSTW, nguồn đối ứng NSDP ...) tham mưu UBND tỉnh có văn bản đề xuất Bộ quản lý CTMTQG, CTMT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính bố trí kinh phí thực hiện các chương trình năm 2024 cho tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định, đồng gửi Sở Tài chính (kèm thuyết minh cụ thể về căn cứ pháp lý, cơ sở dự toán kinh phí).

3.4. Lập dự toán chi Chương trình, đề án của tỉnh:

Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào Chương trình, Đề án tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ triển khai thực hiện trong năm 2024 để lập dự toán kinh phí thực hiện Chương trình, đề án của tỉnh năm 2024.

Việc thực hiện các chương trình, đề án tỉnh phải đảm bảo theo Chỉ thị số 27/CT-UBND ngày 03/11/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện Thông báo số 861-TB/TU ngày 28/8/2017 của Tỉnh ủy về các chương trình, đề án trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 17366/UBND-VP ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện CTĐA giai đoạn 2016-2020, kế hoạch giai đoạn 2021-2025.

3.5. Lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2024:

Thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 10 Điều 19 và Khoản 4 Điều 21 Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính.

3.6. Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế:

Thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 11 Điều 19 Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính.

3.7. Dự toán chi sự nghiệp từ nguồn thu được để lại theo chế độ:

Các cơ quan, đơn vị thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại báo cáo cấp có thẩm quyền theo biểu mẫu quy định tại Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính và theo hướng dẫn tại Khoản 12 Điều 19 Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính.

Các cơ quan, đơn vị khẩn trương xây dựng nhiệm vụ, kế hoạch thực hiện và dự toán kinh phí năm 2024 và tham mưu UBND tỉnh phê duyệt, để có cơ sở lập và bố trí dự toán ngân sách năm 2024 (đặc biệt các nhiệm vụ chi đặc thù, nhiệm vụ chi không thường xuyên, mua sắm, sửa chữa ...). Trường hợp, tại thời điểm thảo

luân dư toán, các nhiệm vụ trên chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương và dự toán kinh phí thực hiện, Sở Tài chính không có cơ sở để tổng hợp và tham mưu UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh bố trí dự toán năm 2024 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn. Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về công tác lập dự toán ngân sách năm 2024.

4. Xây dựng kế hoạch tài chính các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 20 Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính.

C. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – NSNN 03 NĂM 2024 – 2026 VÀ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

Các cơ quan, đơn vị nghiên cứu các nội dung quy định tại Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26 Chương IV Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính và quy định tại Mục 2, Mục 3 Chương III Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn, để thực hiện lập kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm giai đoạn 2024– 2026 theo quy định.

D. VỀ MẪU BIỂU LẬP DỰ TOÁN VÀ THỜI GIAN GỬI DỰ TOÁN NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – NSNN GIAI ĐOẠN 2024 - 2026

I. Về mẫu biểu dự toán

1. Đối với dự toán năm 2024

- Báo cáo theo mẫu biểu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP (mẫu biểu cho các cơ quan đơn vị được hướng dẫn tại Điều 12 của Thông tư số 342/2016/TT-BTC).

- Báo cáo theo mẫu biểu số 01, 03 ban hành kèm theo Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính.

- Đối với báo cáo nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2023, năm 2024, lập theo các mẫu biểu số 02a, 02b ban hành kèm theo Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính.

- Đối với dự toán thu, chi NSNN từ sắp xếp lại, xử lý nhà đất được lập chi tiết theo các mẫu biểu số 04, 05 ban hành kèm theo Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính.

- Báo cáo theo mẫu biểu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10 ban hành kèm theo Công văn này.

2. Đối với kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm giai đoạn 2024 – 2026

Báo cáo theo các mẫu biểu số 01 đến số 06 và mẫu biểu từ số 13 đến số 19 ban hành kèm theo Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính, trong đó, đối với chi thường xuyên ngân sách, các cơ quan, đơn vị tập trung báo cáo các mẫu biểu số: 01, 06, 13, 16, 17, 18, 19.

3. Đối với các chế độ, chính sách chi an sinh xã hội:

Ngoài các mẫu biểu đã quy định tại Điểm 1, Điểm 2 nêu trên, các cơ quan đơn vị báo cáo số liệu:

a) Theo mẫu biểu tại các văn bản quy định cho từng chế độ, chính sách hiện hành.

b) Theo mẫu biểu số 01a, 01b, 01c, 01d, 01e, 01f, 01g, 01h, 01j, ban hành kèm theo Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính. Trong đó lưu ý:

- Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo theo mẫu biểu số: 01a, 01b, 01c, 01d, 01e, 01f, 01g, 01h.

- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội báo cáo theo mẫu biểu số: 01j.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo theo mẫu biểu số: 01m.

- Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ tỉnh, Trường Trung cấp Y tế, báo cáo theo mẫu biểu số: 01a.

- BHXH tỉnh báo cáo dự toán NSNN chi mua BHYT, hỗ trợ BHXH tự nguyện cho các đối tượng theo quy định theo các mẫu biểu: 01i, 01l.

Báo cáo số liệu cần tách rõ đối tượng, nhu cầu kinh phí theo quy định của Trung ương và đối tượng, nhu cầu kinh phí theo quy định của Tỉnh (trường hợp tỉnh mở rộng đối tượng, nâng mức chi so với Trung ương hoặc ban hành chính sách đặc thù của tỉnh).

II. Thời gian gửi báo cáo dự toán

Các cơ quan, đơn vị thực hiện đánh giá dự toán năm 2023 và 03 năm 2021-2023, đồng thời, lập dự toán năm 2024 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm giai đoạn 2024 - 2026 theo đúng các mẫu biểu quy định trên, gửi về Sở Tài chính **chậm nhất ngày 10/8/2023**.

Quá thời hạn nêu trên, các cơ quan, đơn vị chưa gửi báo cáo hoặc có gửi báo cáo nhưng nội dung không đảm bảo yêu cầu và chưa đúng biểu mẫu quy định, thì Sở Tài chính không có cơ sở để tổng hợp, thẩm định để trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị và xem như các đơn vị chấp nhận theo số thẩm định của Sở Tài chính và theo thông báo số kiểm tra phân bổ dự toán năm 2024. Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về công tác xây dựng dự toán 2024, đảm bảo theo đúng quy định.

Sở Tài chính đề nghị Quý cơ quan, đơn vị khẩn trương nghiên cứu và tổ chức thực hiện. Trong công tác tổ chức thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc đề nghị Quý cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để kịp thời phối hợp xử lý./.

(Đính kèm:

- Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính và các mẫu biểu báo cáo.

- Biểu mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10 kèm theo công văn này.)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Các phòng chuyên môn thuộc Sở;
- Website Sở Tài chính;
- Lưu VT, HCSN (Hài).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Thế Thời